

Số: /BC-THPT.TrC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm học 2023-2024

(Thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày
03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường Trung học phổ thông Trường Chinh

2. Địa chỉ: Số 1 đường DN11, khu phố 14, phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37151286

Email: c3truongchinh.tphcm@moet.edu.vn

Cổng thông tin điện tử: <https://thpttruongchinh.hcm.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: là trường công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

4.1. Sứ mạng:

Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, nề nếp, kỷ cương, sáng tạo và sống có trách nhiệm; chất lượng giáo dục của nhà trường ngang tầm với các trường trong thành phố. Là môi trường giáo dục tốt nhất để mỗi học sinh đều có cơ hội phát huy tiềm năng, tính sáng tạo và năng lực tư duy, chuẩn bị tốt nhất cho các em khả năng bước vào đời. Thành quả giáo dục của nhà trường góp phần phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu.

4.2. Tầm nhìn:

Tầm nhìn đến năm 2030, Trường THPT Trường Chinh sẽ trở thành một trong những trường tiên tiến hàng đầu của Thành phố Hồ Chí Minh. Trường cung cấp cho người học môi trường giảng dạy và giáo dục tốt nhất, có tính chuyên môn cao, đảm bảo cho học sinh có năng lực tư duy và thích ứng nhanh. Là ngôi trường mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, là nơi có môi trường giáo dục tốt nhất để mỗi giáo viên và học sinh có khát vọng cống hiến và phát triển để có thể vươn tới xuất sắc.

4.3. Mục tiêu:

Thực hiện tốt yêu cầu đổi mới chương trình nội dung phương pháp giáo dục, chú trọng giáo dục đạo đức lối sống và hướng nghiệp, phấn đấu nâng cao

chất lượng giáo dục toàn diện và hiệu quả giáo dục. Tổ chức cho học sinh tích cực tự học tự rèn luyện trở thành những người công dân văn minh tiên bộ của thời đại từ nhân cách, thể chất, trí tuệ đến kỹ năng làm chủ cuộc sống.

Tập trung đổi mới quản lý trong nhà trường; phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ (chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất) đáp ứng được yêu cầu xã hội. Tạo điều kiện tốt nhất cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tự học, tự rèn, không ngừng nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu hội nhập, chủ động và sáng tạo thực hiện hiệu quả thiên chức dạy người.

Xây dựng Trường THPT Trường Chinh thành nhà trường tiên tiến, mang đậm bản sắc dân tộc, phục vụ đất nước trong thời kỳ hội nhập.

5. Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường: Trường THPT Trường Chinh được thành lập theo Quyết định số 1524/QĐ-UB ngày 18 tháng 4 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, là đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh quản lý với chức năng giảng dạy và giáo dục học sinh bậc THPT. Trường bắt đầu khai giảng năm học đầu tiên là năm học 2003-2004. Trường đã vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng III.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Trịnh Duy Trọng

Địa chỉ nơi làm việc: Số 1 đường DN11, khu phố 14, Phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 0909211280

Email: trinhduytrong2003@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

- Trường Trung học phổ thông Trường Chinh được thành lập theo Quyết định số 1524/QĐ-UB ngày 18 tháng 4 năm của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hội đồng trường được công nhận theo Quyết định số 3367/QĐ-SGDĐT ngày 12/10/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo gồm các thành viên sau đây:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh trong Hội đồng
1	Trịnh Duy Trọng	Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Nguyễn Ngọc Liên	Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng	Thành viên
3	Hoàng Công Trữ	Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Hiệu trưởng	Thành viên
4	Nguyễn Quang Phước	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
5	Dương Thị Tuyết Hạnh	Chủ tịch Công đoàn cơ sở	Thành viên

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh trong Hội đồng
6	Nguyễn Thị Thùy Linh	Bí thư Chi đoàn giáo viên	Thành viên
7	Dương Ngọc Yến	Tổ trưởng tổ Ngữ văn	Thành viên
8	Nguyễn Thị Thanh Lệ	Tổ trưởng tổ Tin học	Thành viên
9	Lê Thị Kim Thoa	Giáo viên	Thành viên
10	Trần Thị Thanh Vân	Văn thư, Tổ trưởng tổ Văn phòng	Thư ký
11	Nguyễn Xuân Hiên	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng Thuận, Quận 12	Thành viên
12	Trần Văn Biên	Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh	Thành viên
13	Nguyễn Hoàng Phúc	Bí thư Đoàn trường	Thành viên

- Hiệu trưởng được công nhận theo Quyết định số 1440/QĐ-SGDĐT ngày 24/5/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo; Các Phó Hiệu trưởng được công nhận theo Quyết định số 572/QĐ-SGDĐT ngày 11/3/2021, Quyết định số 1345/QĐ-SGDĐT ngày 31/5/2021, Quyết định số 1492/QĐ-SGDĐT ngày 10/6/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo;

- Quy chế tổ chức và hoạt động của trường được công nhận theo Quyết định số 167-26/QĐ-SGDĐT-TC ngày 18/02/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo;

- Thông tin tập thể lãnh đạo đơn vị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Email - Điện thoại
1	Trịnh Duy Trọng	Hiệu trưởng	trinhduytrong2003@gmail.com 0909211280
2	Nguyễn Ngọc Liên	Phó Hiệu trưởng	songnhi1405@gmail.com 0903002002
3	Hoàng Công Trữ	Phó Hiệu trưởng	hoangcongtru1605@gmail.com 0906941010
4	Nguyễn Quang Phước	Phó Hiệu trưởng	phuocantoantc@gmail.com 0903357985

8. Các văn bản khác của nhà trường gồm kế hoạch chiến lược; quy chế dân chủ; Nghị quyết Hội đồng trường; quy định quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; các kế hoạch triển khai thực hiện công tác giáo dục đều được công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường tại địa chỉ: thpttruongchinh.hcm.edu.vn.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng 3	Hạng 2	Hạng 1	Tốt	Khá	T B	Kém
I	Giáo viên	104	0	30	74	0	0	0	98	06	0				
1	Toán	16	0	03	13				15	01					
2	Vật Lý	11	0	07	04				10	01					
3	Hóa học	08	0	05	03				08						
4	Sinh học	08	0	02	06				07	01					
5	Công nghệ	03	0	0	03				03						
6	Tin học	06	0	01	05				06						
7	Ngữ văn	14	0	05	09				11	03					
8	Lịch sử	07	0	0	07				07						
9	Địa lý	05	0	02	03				05						
10	Tiếng Anh	14	0	02	12				14						
11	GDCD /GDK TPL	03	0	01	02				03						
12	GDTC	05	0	02	03				05						
13	GDQP	04	0	0	04				04						

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng 3	Hạng 2	Hạng 1	Tốt	Khá	T B	Kém
7	Nhân viên bảo vệ	04						04							
8	Nhân viên phục vụ	04				01		03							
9	Nhân viên phụ trách quản lý GD HS	02				01	01								

IV. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	45	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	45	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	06	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-
7	Bình quân lớp/phòng học	57/45	
8	Bình quân học sinh/lớp		
III	Số điểm trường	1	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	21.030	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1.917,7	
VI	Tổng diện tích các phòng	2.903	
1	Diện tích phòng học (m ²)	2.430	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	399,4	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)		
3	Diện tích thư viện (m ²)	147,2	
4	Diện tích phòng giáo dục rèn luyện thể chất (m ²)		
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)	101	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	387	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 10	113	6
2	Khối lớp 11	107	6
3	Khối lớp 12	167	9
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	147	2,5
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		
1	Ti vi	2	
2	Cát xét	8	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu projector	45	
6	Hệ thống âm thanh lớp	45	
7	Hệ thống âm thanh sân trường	2	
X	Nhà bếp	1	
XI	Nhà ăn	2	
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	16	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
XIII	Nhà vệ sinh		
XIV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XV	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVI	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XVIII	Tường rào xây	X	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Nhà trường đã được đánh giá và được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1 theo quyết định số 591-55/QĐ- SGDDT ngày 23/3/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả đánh giá ngoài được công khai tại địa chỉ:
<https://thpttruongchinh.hcm.edu.vn/kiem-dinh-giao-duc>

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài và xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng để khắc phục các hạn chế chưa đạt theo yêu cầu ở cấp độ cao hơn.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	2.460	845	828	787
1	Tốt (tỉ lệ so với tổng số)	2.187 (88,91%)	767 (90,8%)	717 (86,6%)	703 (89,33%)
2	Khá (tỉ lệ so với tổng số)	228 (9,26%)	72 (8,5%)	86 (10,4%)	70 (8,89%)
3	Trung bình/Đạt (tỉ lệ so với tổng số)	45 (1,83%)	6 (0,7%)	25 (3%)	14 (1,78%)

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
4	Yếu/ Chưa đạt (tỉ lệ so với tổng số)	-	-	-	-
II	Số học sinh chia theo học lực	2.460	845	828	787
1	Giỏi/Tốt (tỉ lệ so với tổng số)	356 (14,47%)	80 (9,47%)	147 (17,75%)	129 (16,39%)
2	Khá (tỉ lệ so với tổng số)	1.390 (56,5%)	487 (57,63%)	481 (58,09%)	422 (53,62%)
3	Trung bình/ Đạt (tỉ lệ so với tổng số)	704 (28,61%)	275 (32,54%)	200 (24,16%)	229 (29,10%)
4	Yếu/ Chưa đạt (tỉ lệ so với tổng số)	10 (0,42%)	3 (0,36%)	0 (0%)	7 (0,89%)
5	Kém (tỉ lệ so với tổng số)	-	-	-	-
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	2.460	845	828	787
1	Lên lớp (tỉ lệ so với tổng số)	2.457 (99,87%)	842 (34,22%)	828 (33,65%)	787 (32%)
a	Học sinh giỏi (tỉ lệ so với tổng số)	135 (5,49%)	1 (0,04%)	6 (0,24%)	128 (5,21%)
b	Học sinh tiên tiến (tỉ lệ so với tổng số)	637 (25,89%)	78 (3,17%)	139 (5,65%)	420 (17,07%)
2	Thi lại (tỉ lệ so với tổng số)	13 (0,52%)	9 (0,36%)	4 (0,16%)	0
3	Lưu ban (tỉ lệ so với tổng số)	3 (0,13%)	3 (0,13%)	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỉ lệ so với tổng số)				
5	Bị đuổi học (tỉ lệ so với tổng số)	-	-	-	-

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỉ lệ so với tổng số)	1 (0,04%)	1 (0,04%)	-	-
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp tỉnh/thành phố		0	14	11 (casio:3 HSG: 8)
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	787	-	-	787
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	786	-	-	786
VII	Số học sinh thi đỗ đại học đợt 1 (tỉ lệ so với tổng số)	716/786 (91,09%)			716/786 (91,09%)
Điểm trung bình xét vào đại học của các khối			Số điểm - %		
1	Điểm trung bình xét tuyển đại học khối A		20,59		
2	Điểm trung bình xét tuyển đại học khối A1		20,83		
3	Điểm trung bình xét tuyển đại học khối B		19,85		
4	Điểm trung bình xét tuyển đại học khối C		21,26		
5	Điểm trung bình xét tuyển đại học khối D		21,23		
6	Điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp: có 07/09 môn trên điểm trung bình của thành phố		Toán: 7,3 điểm; Vật lý: 6,45 điểm; Hóa học: 6,62 điểm; Sinh học: 5,72 điểm; Ngữ văn: 7,07 điểm; Lịch sử: 6,49 điểm; Địa lý: 7,48 điểm; GD&CD: 8,50 điểm; Ngoại ngữ: 6,87 điểm		
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1.168/1.29	418/427	398/430	352/435

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
		2			
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	32	14	09	09

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Nguồn ngân sách nhà nước

STT	Nội dung	Năm 2023 (ĐVT: nghìn đồng)
A	Phần thu	37.375.283
1	Nguồn kinh phí thường xuyên	17.747.100
2	Nguồn kinh phí không thường xuyên	7.087.732
3	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương	12.540.451
B	Phần chi	34.106.050
1	Nguồn kinh phí thường xuyên	17.747.100
2	Nguồn kinh phí không thường xuyên	6.796.536
3	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương	9.562.414
C	Tồn	3.269.232
1	Nguồn kinh phí thường xuyên	-
2	Nguồn kinh phí không thường xuyên	291.196
3	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương	2.978.037

2. Nguồn thu hoạt động và các quỹ năm học 2023-2024 (ĐVT: nghìn đồng)

STT	Nội dung	Tồn đầu kỳ	Tổng thu	Tổng chi	Tồn cuối kỳ
1	Thu học phí công lập	621.987	10.545.630	6.442.869	4.724.748
2	Hoạt động SXKD, dịch vụ	469.000	540.000	550.000	459.000
3	Nguồn hoạt động	848.935	12.012.211	12.330.277	530.869
	Chi con người			8.765.578	
	Chi CSVC			844.563	
	Chi hoạt động hỗ trợ HS			2.390.800	
	Chi khác			329.336	
4	Các khoản Thu hộ-Chi hộ	559.445	7.764.740	7.698.062	626.123
5	Các nguồn quỹ	370.344	5.840.750	4.354.758	1.856.336
6	Quỹ đặc thù	64.099	48.872	50.000	62.971
7	Nguồn cải cách tiền lương	2.249.347	3.446.004	4.321.063	1.374.289

3. Chính sách về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

3.1. Học bổng - Quà tết cho học sinh vượt khó, đạt thành tích cao trong học tập

Học bổng thấp sáng ước mơ năm học 2023-2024 (50 hs * 1.000.000đ/hs)

3.2. Trợ cấp, miễn giảm các diện chính sách và diện khác

Nội dung	Hộ nghèo/ Hộ cận nghèo	Hòa nhập	Con TB- BB-LS	Con GV- NV	BCH Đoàn trường	Diện khác
Số học sinh	15	15	3	8	15	39
Diện miễn - giảm	100% hoặc 50% theo từng diện chính sách và khoản thu	50% hoặc 100% theo từng khoản thu	50% hoặc 100% theo từng khoản thu	50% hoặc 100% theo từng khoản thu	50% hoặc 100% theo từng hs và khoản thu	50% hoặc 100% theo từng hs và khoản thu
Số tiền (ĐVT: nghìn đồng)	74.430	46.878	13.393	59.760	48.195	133.830

Trên đây là Báo cáo thường niên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm học 2023-2024 của Trường THPT Trường Chinh thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

- Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của trường;
- Cha mẹ học sinh của trường;
- Công khai trên Cổng thông tin điện tử của trường;
- Lưu: VT (Vân).

HIỆU TRƯỞNG

Trịnh Duy Trọng